TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2024
V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.
- Ông Bùi Khắc Thái.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn". theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐ-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1989
Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Tr, sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2023, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn Chị Hà Thị T trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị và Anh Đỗ Văn Tr kết hôn năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Sau khi cưới anh chị sinh sống tại Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tuy

nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong mọi mặt của cuộc sống. Tháng 2/2021 chị và anh Trmâu thuẫn trầm trọng, anh Trđã đánh và đuổi chị ra khỏi nhà. Anh chị ly thân từ đó đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trđể ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Trcó 02 con chung là các cháu Đỗ Thị Nhsinh ngày 10/7/2010, Đỗ Văn Đsinh ngày 20/9/2014. Hiện cháu Điệp đang ở với anh Trưởng, cháu Nhi đang ở với chị. Nguyện vọng của chị sau khi Tòa án giải quyết cho chị và anh Trly hôn, chị xin tiếp tục nuôi cháu Nhi vì cháu là con gái, còn cháu Điệp để anh Trnuôi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Đỗ Văn Tr: Mặc dù anh đang sinh sống tại Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình, anh biết được việc chị Tđang có yêu cầu ly hôn anh tại Tòa án huyện N, tuy nhiên khi Tòa án báo gọi anh không lên Tòa án làm việc. Khi Tòa án N phối hợp với chính quyền địa phương về tận nhà tống đạt các Thông báo, giấy báo thì anh từ chối nhận và không ký bất cứ biên bản nào. Vì vậy Tòa án căn cứ Bộ luật Tố tụng Dân sự thực hiện các biện pháp tống đạt văn bản tố tụng cho anh Trtheo đúng quy định.

Ý kiến cháu Đỗ Văn Đxin tiếp tục ở với bố, cháu Đỗ Thị Nhxin tiếp tục ở với mẹ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết theo quy định. Do bị đơn không đến tham gia các phiên hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là*"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Hà Thị T. Xử ly hôn giữa Chị Hà Thị T và Anh Đỗ Văn Tr.

2.*Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Đỗ Văn Đsinh ngày 20/9/2014 cho anh Trtiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và tự lập. Giao cháu Đỗ Thị Nhsinh ngày 10/7/2010, cho chị Ttiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và tự lập. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về án phí ly hôn: Chị Hà Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ

án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân:

Hôn nhân chị Tvà anh Trlà quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, hai bên đã ly thân thời gian dài, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tvới anh Trlà có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: chị Tvà anh Trcó 02 con chung là cháu Đỗ Thị Nhsinh ngày 10/7/2010, cháu Đỗ Văn Đsinh ngày 20/9/2014. Hiện cháu Điệp đang ở với anh Trưởng, cháu Nhi đang ở với chị Tuyết. Nguyện vọng của chị Txin được tiếp tục nuôi cháu Nhi, còn cháu Điệp để anh Trnuôi. Hội đồng xét xử xét thấy: chị Tvà anh Trkhỏe mạnh, có thu nhập, hiện cháu Điệp đang ở với anh Trvà có nguyện vọng tiếp tục ở với bố, cháu Nhi đang ở với chị Tvà có nguyện vọng tiếp tục ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định cho các cháu cũng như nguyện vọng của các bên nên tiếp tục giao cháu Nhi cho chị Tchăm sóc và nuôi dưỡng, giao cháu Điệp cho anh Trchăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các bên không có yêu cầu nên không đặt ra việc xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hà Thị T phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho Chị Hà Thị T ly hôn với Anh Đỗ Văn Tr.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Đỗ Văn Đsinh ngày 20/9/2014, cho Anh Đỗ Văn Tr tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Giao cháu Đỗ Thị Nhsinh ngày 10/7/2010 cho Chị Hà Thị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

2.2. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hà Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tđã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0000305 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã S;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH